

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/HS-ST

Ngày 18-6-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Công Đoàn

Ông Nguyễn Việt Tuấn

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐXXST-HS ngày 28/5/2021, đối với bị cáo:

Phạm Việt H - Giới tính: Nam; sinh năm: 1976 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; ĐKKHKT: Số 29, đường K, quận Đ, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Phòng 2908, chung cư L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông: Phạm Xuân X1 và con bà: Lê Thị T1; vợ: Trần Thanh P1, có 01 con; TATS: Theo danh chỉ bản số 349 ngày 29-9-2020 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo có 06 tiền án:

- Ngày 27-12-1996, Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân;

- Ngày 14-5-1998, Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 24 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản của công dân;

- Ngày 11-5-2000, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 30 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản;

- Ngày 25-10-2002, Tòa án nhân dân quận C, Thành phố Hồ Chí Minh xử 2 năm tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

- Ngày 20-9-2006, Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội: Đánh bạc;

- Ngày 25-10-2011, Tòa án nhân dân quận H, TP.Hà Nội xử phạt 7 năm tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, ra trại ngày 12-02-2018.

Bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 26-9-2020 đến ngày 05-10-2020 chuyển tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội; có mặt.

2.2. Bị hại: Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1987 - Nơi ĐKHKTT tại: Tổ 5 phường T, quận L, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: xóm 5 - Thôn G, xã B, huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2.3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

2.3.1. Anh Đoàn Ngọc C1, sinh năm 1989 - Nơi ĐKHKTT tại: xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa và Nơi ở hiện nay tại: Thôn K, xã Th, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2.3.2. Anh Mai Văn L, sinh năm 1992 - Nơi ĐKHKTT tại: Số 109 C, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa và Nơi ở hiện nay tại: số 104 L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2.3.3. Anh Đặng Quốc L1, sinh năm 1986 - Nơi ở hiện nay tại: CH4,-2B, C 39 tầng, 210 Q, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2.3.4. Anh Nguyễn Kim L2, sinh năm 1983 - Trú tại: Xóm 2, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

2.3.5. Anh Nguyễn Kim T, sinh năm 1988 - Trú tại: Xóm 2, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

2.3.6. Chị Trần Thanh P1, sinh năm 1983 - Trú tại: Nơi ở: Phòng 2908, HH 3C, chung cư L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

2.3.7. Ngân hàng thương mại TNHH MTV Dầu Khí - Chi nhánh T.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Dương Hải Y - Chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh PBank - Kiêm Giám đốc PGD TT Hoàng Quốc Việt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy L3 - Chức vụ: Phó Giám đốc PGD TT Hoàng Quốc Việt (Theo Giấy ủy quyền số 009/2020/UQ-HQV ngày 22/9/2020); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng tháng 9-2019, Phạm Việt H mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chervolet Colorado màu đỏ, BKS: 29H-228.16 với giá 800

triệu đồng. Do không có đủ tiền nên H đã thế chấp chiếc xe ô tô này cho Ngân hàng P Bank - Chi nhánh H, Hà Nội vay 600.000.000 đồng. Quá trình sử dụng đến khoảng tháng 3-2020, H cầm cố chiếc xe ô tô trên cho anh Nguyễn Đức C để vay 250.000.000 đồng. Sau đó, do không có khả năng chuộc lại xe ô tô nên ngày 13-3-2020, H đã bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chervolet Colorado, BKS: 29H-228.16 cho anh C với giá 280.000.000 đồng nên anh C đã đưa nốt cho H 30.000.000 đồng. H và anh C thỏa thuận miệng là anh C sẽ có trách nhiệm trả nốt số tiền mà H còn nợ Ngân hàng là 540.000.000 đồng; hàng tháng, anh C sẽ thanh toán trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng 15.000.000 đồng thông qua H. Sau đó, H viết giấy bán xe ô tô giao cho C. Từ tháng 5 đến tháng 7-2020, anh C đã chuyển tiền cho H một lần 15.000.000 đồng để H trả tiền lãi và gốc cho Ngân hàng; lần 2, anh C chuyển trực tiếp vào Ngân hàng 14.152.000 đồng. Ngoài ra, còn một số lần anh C trực tiếp đưa tiền cho H để trả tiền lãi và gốc cho ngân hàng.

Ngày 29-4-2020, H thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Spark, màu xanh, BKS: 30F-705.46 của anh Đặng Quốc L1 để đi lại nhưng sau đó do không có tiền tiêu nên H đã đặt cầm cố chiếc xe ô tô này tại cửa hàng cầm đồ ở huyện G, tỉnh Hưng Yên. Đến khoảng tháng 9-2020, thông qua mạng xã hội, H quen biết 2 đối tượng có tên là Huấn và Toan (qua xác minh được biết Huấn tên thật là Nguyễn Kim L2, sinh 1983 và Toan tên thật là Nguyễn Kim T, sinh 1988, đều có HKTT: xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh). Qua nói chuyện, H biết L2 và T thường mua bán các loại xe ô tô. Ngày 22-9-2020, H dẫn L2 và T đến cửa hàng cầm đồ ở huyện G, tỉnh Hưng Yên để chuộc lại xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Spark, BKS: 30F-705.46. Tại đây, L2 đã đưa cho H 50.000.000 đồng và H chuộc xe hết 45.000.000 đồng. Sau khi chuộc được chiếc xe ô tô Chevrolet Spark, BKS: 30F-705.46, H đã đưa xe ô tô này cho L2 và T đi về Nghệ An.

Vào khoảng giữa tháng 9-2020, H gặp anh C đang đi xe ô tô Chevrolet Colorado, BKS: 29H-228.16 là xe mà H đã bán cho anh C nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp lại chiếc xe này. Sau đó, H đi theo và biết nơi anh C để xe ô tô. Đến khoảng 02 giờ ngày 23-9-2020, H nhờ vợ là Trần Thanh P1 chở sang khu vực B, huyện G, Hà Nội để đi có việc. Sau đó, H điều khiển xe máy Honda Vision màu trắng, BKS: 29B1-610.41 chở P1 ngồi sau. Khi đến gần xã B, H bảo chị P1 điều khiển xe máy chở H. Khi đến gần vị trí nhà anh C để xe ô tô thì H bảo P1 dừng xe cho H xuống và bảo P1 về nhà còn H đi bộ vào ngõ 205, Thôn G, xã B, huyện G, Hà Nội. Tại đây, H nhìn thấy chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chervolet Colorado, BKS: 29H-228.16 đang đỗ ở trong ngõ không có ai trông giữ. H lấy bên trong túi quần H đang mặc chiếc chìa khóa xe ô tô mà H đã giữ lại khi bán xe cho anh C mở khóa điện và điều khiển xe đi về Nghệ An. Trên đường đi đến đoạn Ninh Bình, H dừng xe lại và kiểm tra trong hộc đồ ghế phụ có các giấy tờ mua bán xe do H viết và giấy tờ cá nhân của anh C thì H đã xé

giấy tờ mua bán xe vớt ra đường. Sau đó, H liên lạc và hẹn với L2 và T tại ngã 3 D, tỉnh Nghệ An để nhờ bán xe hộ H. Tại cây xăng gần địa điểm đã hẹn, H và Nguyễn Kim L2 đã gặp Đoàn Ngọc C1 và Mai Văn L đi xe Ford Ranger màu trắng. L viết giấy vay tiền hộ H và cho H ký xác nhận, sau đó H giao xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Colorado, BKS: 29H-228.16 cho C1 và vay số tiền 280.000.000 đồng của C1. Nguyễn Kim L2 giữ lại 30.000.000 đồng (là tiền môi giới xe ô tô) còn H cầm 250.000.000 đồng và trả cho L2 50.000.000 đồng mà H vay L2 để chuộc xe ô tô Chevrolet Spark, BKS: 30F-705.46. Sau đó, H cầm toàn bộ giấy tờ cá nhân của anh C và điều khiển xe ô tô Chevrolet Spark, BKS: 30F-705.46 đi về Hà Nội.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 196/KL-HĐĐG ngày 01-10-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Colorado, BKS: 29H-228.16 màu sơn đỏ, đã qua sử dụng có giá trị: 480.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 85/CT-VKSGL ngày 18-5-2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Phạm Việt H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của bị cáo Phạm Việt H đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 38, 47, 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo H mức án từ 12 năm 06 tháng đến 13 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26-9-2020.

- Về hình phạt bổ sung: Không.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo Phạm Việt H phải thanh toán cho anh Nguyễn Đức C số tiền là 280.000.000 đồng; buộc bị cáo Phạm Việt H phải thanh toán cho anh Đoàn Ngọc C1 số tiền là 132.892.944 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị:

+ Trả lại cho Ngân hàng thương mại TNHH MTV Dầu khí 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Colorado, màu đỏ, BKS: 29H-228.16, có số máy: LP2G183441143, số khung: MMM148MM0KH643192, đã cũ; 01 giấy chứng

nhận kiểm định số: No: KD 0527697, biển số 29H-228.16; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS, số 060026619/19 của Tổng công ty bảo hiểm X; 01 giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thế chấp số 1582 và 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô;

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo chống nắng, bằng vải, phần cổ áo có chữ JACK&JONES, dài tay, màu đen, đã cũ; 01 chiếc áo phông, bằng vải, cộc tay, phần cổ áo có chữ BURBERRY màu trắng, đã cũ; 01 chiếc quần bò, bằng vải, màu xanh đen, phần cạp quần có chữ VLTL, đã cũ; 02 chiếc dép lê, màu đen, phần đế dép có chữ Sauato, đã cũ; 01 chiếc áo mưa, dạng áo trùm, màu vàng nâu, loại áo mưa một đầu, có mác ghi chữ Hồng Thắm, phía trước có phần trong suốt, đã cũ và 01 chiếc biển số: 29B1-610.41, bằng kim loại, đã cũ;

+ Trả lại cho chị Trần Thanh P1 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, vỏ màu trắng bạc, trên vỏ có ghi số imei: 013351001356304, đã cũ, bên trong có sim;

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, có số imei: 358369363991897, màu bạc, bị xước, đã cũ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, số imei: 357218094171078, màu vàng, đã cũ.

Nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn nhận tội và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng huyện G là hợp pháp.

- Về tội danh:

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của những người có quyền và nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng, bản Kết luận định giá

tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 03 giờ 00 ngày 23-9-2020, tại thôn 5, Thôn G, xã B, huyện G, Hà Nội, Phạm Việt H đã có hành vi trộm cắp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Colorado, màu đỏ, BKS: 29H-228.16 đã qua sử dụng có giá trị: 480.000.000 đồng của anh Nguyễn Đức C.

[3]. Hành vi của bị cáo Phạm Việt H đã có đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đề nghị truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Do vậy, cần phải nghiêm trị đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[6]. Về tình tiết tăng nặng: Nhân thân của bị cáo đã có 06 tiền án: Ngày 27-12-1996, Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân; ngày 14-5-1998, Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 24 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản của công dân; ngày 11-5-2000, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 30 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản; ngày 25-10-2002, Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử 2 năm tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; ngày 20-9-2006, Tòa án nhân dân quận Long Biên xử phạt 24 tháng tù về tội: Đánh bạc; ngày 25-10-2011, Tòa án nhân dân quận H, TP.Hà Nội xử phạt 7 năm tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, ra trại ngày 12-02-2018. Bị cáo phạm tội lần này là tái phạm nguy hiểm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8]. Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội cùng nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần pH xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo vì bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nhận định ở trên.

- Về hình phạt bổ sung:

[9]. Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

- Về trách nhiệm dân sự:

[10]. Anh Nguyễn Đức C là bị hại yêu cầu bị cáo H trả số tiền là 280.000.000 đồng là tiền mà anh C đưa cho H để mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Colorado, BKS: 29H-228.16. Xét yêu cầu của anh C là có căn cứ nên chấp nhận và buộc bị cáo pH có trách nhiệm thanh toán cho anh C số tiền 280.000.000 đồng.

[11]. Đối với anh Đoàn Ngọc C1 khi cho H vay tiền và cầm cố xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Colorado, BKS: 29H-228.16, chỉ biết H là chủ xe ô tô, không biết đó là xe ô tô H trộm cắp. Do vậy, cơ quan điều tra không xử lý gì đối với C1. Ngày 22-01-2021, Cơ quan điều tra tiến hành ra quyết định xử lý vật chứng trả số tiền 147.107.056 đồng cho anh Đoàn Ngọc C1. Nay, anh C1 yêu cầu H trả lại anh số tiền còn lại là 132.892.944 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về xử lý vật chứng:

[12]. P Bank - Chi nhánh T - Phòng giao dịch Hoàng Quốc Việt đã cho vợ chồng H vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng. H có thể chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Colorado, BKS: 29H-228.16 để vay tiền. Nay, P Bank có đề nghị bàn giao xe ô tô trên cho P Bank để xử lý tài sản thu hồi khoản nợ của Phạm Việt H tại P Bank là có căn cứ nên chấp nhận và trả lại cho P Bank 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Colorado, màu đỏ, BKS: 29H-228.16, có số máy: LP2G183441143, số khung: MMM148MM0KH643192, đã cũ; 01 giấy chứng nhận kiểm định số: No: KD 0527697, biển số 29H-228.16; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS, số 060026619/19 của tổng công ty bảo hiểm X; 01 giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thế chấp số 1582 và 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

Đối với Hợp đồng tín dụng giữa P Bank và bị cáo H sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác (nếu có yêu cầu) theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[13]. Thu giữ của bị cáo 01 chiếc áo chống nắng, bằng vải, phần cổ áo có chữ JACK&JONES, dài tay, màu đen, đã cũ; 01 chiếc áo phông, bằng vải, cộc tay, phần cổ áo có chữ BURBERRY màu trắng, đã cũ; 01 chiếc quần bò, bằng vải, màu xanh đen, phần cạp quần có chữ VLTL, đã cũ; 02 chiếc dép lê, màu đen, phần đế dép có chữ Sauato, đã cũ; 01 chiếc áo mưa, dạng áo trùm, màu vàng nâu, loại áo mưa một đầu, có móc ghi chữ Hồng Thắm, phía trước có phần trong suốt, đã cũ không còn khả năng sử dụng nên cần cho tịch thu tiêu hủy là có căn cứ.

[14]. Thu giữ 01 chiếc biển số: 29B1-610.41, bằng kim loại, đã cũ là biển số không hợp pháp nên cần cho tịch thu tiêu hủy là có căn cứ.

[15]. Thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, vỏ màu trắng bạc, trên vỏ có ghi số imei: 013351001356304, đã cũ, bên trong có sim là điện thoại của con của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho chị P1 là có căn cứ.

[16]. Thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, có số imei: 358369363991897, màu bạc, bị xước, đã cũ bị cáo dùng để liên lạc trong quá trình phạm tội và tiêu thụ tài sản trộm cắp; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, số imei: 357218094171078, màu vàng, đã cũ bị cáo dùng tiền vay do cầm cố xe ô tô trên để mua nên cần cho tịch thu sung công quỹ Nhà nước là có căn cứ.

- Về các vấn đề khác:

[17]. Ngày 01-12-2020, Cơ quan điều tra đã trả cho anh Nguyễn Đức C: 01 giấy phép lái xe hạng B2 số 010050028509; 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 010050028509; 01 giấy phép lái xe hạng mô tô hạng A1 mang số AV 977976; 01 căn cước công dân tất cả đều mang tên Nguyễn Đức C; 01 giấy phép lái xe hạng B1, B1 số AX 52B456 mang tên Nguyễn Thị Như Q; 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV mang tên NGUYEN DUC C số thẻ 9704 1800 4971 7259. Nay, anh C không có ý kiến gì thắc mắc nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[18]. Ngày 07-12-2020, Cơ quan điều tra đã trả cho anh Đặng Quốc L1 chiếc xe ô tô Chervolet Spark, BKS 30F-0546, anh L1 đã nhận lại xe và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

[19]. Đối với Nguyễn Kim T làm môi giới cho H đặt cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Colorado, BKS: 29H-228.16, sau đó được Nguyễn Kim Long đưa cho 10.000.000 đồng là tiền môi giới mua xe, bản thân Toàn không biết đó là xe ô tô H trộm cắp. Do vậy, cơ quan điều tra không xử lý đối với Toàn là có căn cứ. Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập nhiều lần đối tượng Nguyễn Kim L2 để làm việc nhưng Long không có mặt tại địa phương nên khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[20]. Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 29B1-610.41 Cơ quan điều tra thu giữ của chị Trần Thanh P1. Theo Phạm Việt H khai: khoảng tháng 5-2020, H mua chiếc xe máy này với giá 10.000.000 đồng của một nam thanh niên (không rõ nhân thân). Tại bản kết luận giám định số 10268/KL-PC09-Đ3 ngày 23-11-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: Xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng, BKS: 29B1-610.41, hiện tại có số khung RLHJF5808EY607213 là số nguyên thủy; số máy bị tẩy xóa, xác định được số máy nguyên thủy của xe là JF58E-0492990. Qua xác minh, BKS: 29B1-610.41 là của xe nhãn hiệu Honda Spacy, chủ xe là Nguyễn Xuân D - sinh năm 1964; trú tại: Số 17

phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Qua xác minh xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh, có số khung RLHJF5808EY607213, số máy là JF58E-0492990 có biển số là 12X1-108.01, chủ xe là Triệu Văn C2; địa chỉ: xã G, huyện C, Lạng Sơn, đăng ký xe năm 2016. Ông C2 đã cho chị Triệu Thị C3 - sinh năm 1990, ĐKHKTT: thôn 11, xã K, huyện N, Thanh Hóa (là con gái) chiếc xe máy trên để sử dụng. Quá trình sử dụng ngày 11-01-2020, chị C3 bị kẻ gian lấy trộm chiếc xe máy trên tại số 86 phường L, quận B, Hà Nội, chị C3 đã trình báo Công an Phường L, quận B, Hà Nội. Ngày 18-3-2021, Cơ quan điều tra Công an huyện G đã bàn giao 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, không biển số, SK: 607213, số máy bị tẩy xóa cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B để điều tra theo thẩm quyền là có căn cứ.

- Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về nhân thân của bị cáo, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về mức hình phạt, về trách nhiệm dân sự, về hình phạt bổ sung, về xử lý vật chứng và về các vấn đề khác là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, mức án đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc.

- Về án phí:

[21]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[22]. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Phạm Việt H 12 (*Mười hai*) năm tù về tội: Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26-9-2020.

2. Về hình phạt bổ sung: Không

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự:

- Buộc bị cáo Phạm Việt H phải thanh toán cho anh Nguyễn Đức C số tiền là 280.000.000 đồng;

- Buộc bị cáo Phạm Việt H phải thanh toán cho anh Đoàn Ngọc C1 số tiền là 132.892.944 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Trả lại cho Ngân hàng thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Colorado, màu đỏ, BKS: 29H-228.16, có số máy: LP2G183441143, số khung: MMM148MM0KH643192, đã cũ; 01 giấy chứng nhận kiểm định số: No: KD 0527697, biển số 29H-228.16; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS, số 060026619/19 của Tổng công ty bảo hiểm BIDV; 01 giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thế chấp số 1582 và 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô;

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo chống nắng, bằng vải, phần cổ áo có chữ JACK&JONES, dài tay, màu đen, đã cũ; 01 chiếc áo phông, bằng vải, cộc tay, phần cổ áo có chữ BURBERRY màu trắng, đã cũ; 01 chiếc quần bò, bằng vải, màu xanh đen, phần cạp quần có chữ VLTL, đã cũ; 02 chiếc dép lê, màu đen, phần đế dép có chữ Sauato, đã cũ; 01 chiếc áo mưa, dạng áo trùm, màu vàng nâu, loại áo mưa một đầu, có móc ghi chữ Hồng Thắm, phí trước có phần trong suốt, đã cũ và 01 chiếc biển số: 29B1-610.41, bằng kim loại, đã cũ;

- Trả lại cho chị Trần Thanh P1 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, vỏ màu trắng bạc, trên vỏ có ghi số imei: 013351001356304, đã cũ, bên trong có sim;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, có số imei: 358369363991897, màu bạc, bị xước, đã cũ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, số imei: 357218094171078, màu vàng, đã cũ.

(Hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20-5-2021).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Việt H phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 20.515.000 đồng án phí DSST.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. P Bank và chị P1 có quyền làm đơn kháng cáo bản án (về những vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của

mình) trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án. Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án (về những vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình) trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo và những người TGTT khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Dũng